

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KINH DOANH VNEXCHANGE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KINH DOANH VNEXCHANGE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VNEXCHANGE BUSINESS COUNSEL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VNEXCHANGE CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107809227

**3. Ngày thành lập:** 17/04/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 78, phố Yên Ninh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0946 486 468

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh khách sạn;<br>- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                               | 5510     |
| 2.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6311     |
| 3.  | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6312     |
| 4.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                   | 4711     |
| 5.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931     |
| 6.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7320     |
| 7.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại<br>- Bán lẻ đồ điện máy, thiết bị tin học, viễn thông trong siêu thị, trung tâm thương mại;<br>- Bán lẻ đồ điện máy, thiết bị tin học, viễn thông trong các cửa hàng bách hóa, cửa hàng kinh doanh tổng hợp;<br>- Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4719     |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4932     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                | 8551        |
| 10. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                | 1071        |
| 11. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                                                 | 1074        |
| 12. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                     | 7020(Chính) |
| 13. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                      | 1020        |
| 14. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                              | 1010        |
| 15. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                                          | 1050        |
| 16. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                 | 7920        |
| 17. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                    | 4210        |
| 18. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất đậu phụ;<br>- Sản xuất và chế biến các sản phẩm từ đỗ tương;<br>Sản xuất gia vị, bột gia vị, hạt nêm, nước chấm;<br>- Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt;<br>- Sản xuất giấm; | 1079        |
| 19. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                         | 5629        |
| 20. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                        | 6201        |
| 21. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                                                                                               | 7010        |
| 22. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                           | 4632        |
| 23. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                 | 1030        |
| 24. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Môi giới thương mại;<br>- Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa;                                                                                                                                                             | 4610        |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                   | 4290        |
| 26. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                             | 4633        |
| 27. | Vận tải bằng xe buýt                                                                                                                                                                                                                                                         | 4920        |
| 28. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                               | 4723        |
| 29. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                        | 1075        |
| 30. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710        |
| 31. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                               | 6619        |
| 32. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310        |
| 33. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                          | 7730        |
| 34. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 35. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                    | 8230        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;<br>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;<br>- Tư vấn đấu thầu xây dựng;<br>- Tư vấn quản lý chi phí;                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7110 |
| 37. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động lập và thiết kế các hệ thống máy tính tích hợp các phần cứng, phần mềm máy tính và công nghệ giao tiếp<br>- Cung cấp các cấu phần phần cứng, phần mềm của hệ thống máy tính;<br>- Thực hiện cài đặt hệ thống, đào tạo, hướng dẫn và trợ giúp khách hàng của hệ thống.<br>- Quản lý và điều hành hệ thống máy tính của khách hàng và/hoặc công cụ xử lý dữ liệu;<br>- Các hoạt động chuyên gia và các hoạt động khác có liên quan đến máy vi tính | 6202 |
| 38. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm, bao gồm sản xuất phần mềm đóng gói; sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng; sản xuất phần mềm nhúng; hoạt động gia công phần mềm và hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm;                                                                                                                                                                         | 6209 |
| 39. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7912 |
| 40. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1104 |
| 41. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5630 |
| 42. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7729 |
| 43. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7911 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại diện cho thương nhân;<br>- Dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa;<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>- Hoạt động thương mại điện tử;                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299 |
| 45. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9000 |
| 46. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4100 |
| 47. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4791 |
| 48. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5610 |

|     |                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 49. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                | 5621 |
| 50. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất tinh bột từ gạo, khoai tây, ngô;<br>- Sản xuất bột sắn và các sản phẩm phụ của sắn; | 1062 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: **VŨ XUÂN MINH**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 08/10/1992

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142591710

Ngày cấp: 10/10/2011      Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Mộ Trạch, Xã Tân Hồng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 83B, ngõ 173/68 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: VŨ XUÂN MINH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 08/10/1992

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142591710

Ngày cấp: 10/10/2011      Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Mộ Trạch, Xã Tân Hồng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 83B, ngõ 173/68 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội